

KẾ HOẠCH

Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ

Thực hiện quyết định số 272/QĐ-TCTK ngày 07 tháng 03 năm 2023 của Tổng Cục Thống kê “về việc ban hành phương án Điều tra hoạt động thương mại dịch vụ”. Cục Thống kê Đồng Nai xây dựng kế hoạch điều tra trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ là điều tra mẫu thu ộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia được thực hiện nhằm mục đích:

- Phục vụ công tác quản lý, đánh giá, dự báo tình hình kinh tế xã hội, lập chính sách, kế hoạch phát triển của toàn bộ nền kinh tế và từng địa phương.

- Phục vụ đánh giá tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế, toàn bộ nền kinh tế để phục vụ công tác biên soạn các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN, thống kê tài khoản quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế.

- Đáp ứng nhu cầu của các đối tượng dùng tin khác.

2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra đúng các nội dung quy định trong Phương án.

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước; đảm bảo tính so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ được tiến hành trên phạm vi toàn tỉnh đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh

nghiệp), các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) cá thể có hoạt động thuộc các ngành kinh tế từ ngành G đến ngành S (trừ ngành O - Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc) trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

a) Điều tra hằng tháng đối với các ngành kinh tế sau:

- Ngành G: Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và các xe có động cơ khác.

- Ngành I: Dịch vụ lưu trú và ăn uống.

- Ngành H: Vận tải hành khách bằng đường sắt và đường bộ; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; vận tải hành khách bằng đường thủy; vận tải hàng hóa bằng đường thủy; vận tải hàng không; kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải; bưu chính và chuyển phát.

- Ngành L: Hoạt động kinh doanh bất động sản

- Ngành N: Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ.

- Ngành P: Giáo dục và đào tạo.

- Ngành Q: Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (trừ ngành 87 “Hoạt động chăm sóc điều dưỡng tập trung” và ngành 88 “Hoạt động chăm sóc điều dưỡng không tập trung”).

- Ngành R: Nghệ thuật, vui chơi và giải trí (trừ ngành 91 “Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác” và ngành 92002 “Hoạt động cá cược và đánh bạc”).

- Ngành S: Hoạt động dịch vụ khác (trừ ngành 94 “Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác”).

b) Điều tra hằng quý đối với các ngành kinh tế

- Ngành J: Thông tin và truyền thông.

- Ngành K: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (trừ ngành 65 “Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)” và ngành 66 “Hoạt động tài chính khác”).

- Ngành L: Hoạt động kinh doanh bất động sản.

- Ngành M: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ.

- Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ của các ngành.

Danh mục ngành chọn mẫu được quy định tại Phụ lục II.

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra của cuộc điều tra này bao gồm:

(I) Hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa; kinh doanh vận tải, kho bãi; dịch vụ lưu trú, ăn uống; du lịch; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; thông tin và truyền thông; kinh doanh bất động sản; chuyên môn khoa học công nghệ; hành chính và dịch vụ hỗ trợ; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; nghệ thuật, vui chơi và giải trí; dịch vụ khác.

(II) Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra bao gồm:

(I) Các doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố được thành lập và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các Luật chuyên ngành như: Luật Đầu tư, Luật Thương mại, ...

(II) Các hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã được thành lập và chịu sự điều chỉnh của Luật Hợp tác xã.

(III) Các cơ sở kinh doanh cá thể.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ là điều tra chọn mẫu. Quy mô mẫu được phân bổ bảo đảm mức độ đại diện của các chỉ tiêu thống kê thuộc phạm vi điều tra theo tỉnh, thành phố.

Phương pháp và quy trình chọn mẫu được quy định tại Phụ lục II.

IV. THỜI GIAN, THỜI KỲ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời gian điều tra

- Đối với điều tra hàng tháng: Thời gian điều tra thực hiện từ ngày 01 đến ngày 12 hàng tháng;

- Đối với điều tra theo quý: Thời gian điều tra thực hiện từ ngày 01 đến ngày 12 tháng cuối quý.

2. Thời kỳ thu thập thông tin: Thu thập thông tin đối với các chỉ tiêu của cuộc điều tra là số liệu thực hiện của tháng, quý trước và dự tính số liệu của tháng, quý báo cáo.

3. Phương pháp điều tra

Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ thu thập thông tin theo phương pháp gián tiếp kết hợp thu thập thông tin theo phương pháp trực tiếp.

Thu thập thông tin gián tiếp: Đơn vị thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử điều tra của Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu

và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê - Cục TTDL). Điều tra viên (ĐTV) có trách nhiệm cung cấp tài khoản (tên đăng nhập và mật khẩu) tới đơn vị điều tra để thực hiện cung cấp thông tin trên phiếu điều tra điện tử (Phiếu webform); hướng dẫn cung cấp thông tin trên phiếu điều tra và kiểm tra, nghiệm thu phiếu điều tra của các đơn vị được phân công thực hiện.

Thu thập thông tin trực tiếp: Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh cá thể. ĐTV đến từng cơ sở gặp người cung cấp thông tin (chủ cơ sở) để phỏng vấn, kết hợp quan sát đối tượng điều tra để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử được thiết kế trên thiết bị điện tử di động (phiếu CAPI).

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ thu thập các thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra.
- Thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình hoạt động của đối tượng điều tra.

2. Phiếu điều tra

Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ sử dụng 11 loại phiếu điều tra như sau:

Phiếu 1.1/DN-TM-T: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ (Áp dụng đối với doanh nghiệp/chi nhánh doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa)

Phiếu 1.2/DN-LAD-T: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ (Áp dụng cho doanh nghiệp/chi nhánh doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch)

Phiếu 1.3/DN-VT-T: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ (Áp dụng cho doanh nghiệp/chi nhánh doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động vận tải, kho bãi)

Phiếu 1.4/DN-DVK-T: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ (Áp dụng cho doanh nghiệp/chi nhánh doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động dịch vụ kinh doanh bất động sản và một số dịch vụ khác)

Phiếu 1.5/DN-TT.KHCN-Q: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ (Áp dụng cho doanh nghiệp/chi nhánh doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động dịch vụ thông tin và truyền thông, chuyên môn khoa học công nghệ)

Phiếu 1.6/DN-TC-Q: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ (Áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

Phiếu 2.1/CT-TM-T: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ (Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh cá thể có hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa)

Phiếu 2.2/CT-LA-T: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ (Áp dụng cho cơ sở kinh doanh cá thể có hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống)

Phiếu 2.3/CT-VT-T: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ (Áp dụng cho cơ sở kinh doanh cá thể có hoạt động vận tải, kho bãi)

Phiếu 2.4/CT-DVK-T: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ (Áp dụng cho cơ sở kinh doanh cá thể có hoạt động dịch vụ kinh doanh bất động sản và một số dịch vụ khác)

Phiếu 2.5/CT-TT.KHCN-Q: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ (Áp dụng cho cơ sở kinh doanh cá thể có hoạt động dịch vụ thông tin và truyền thông, chuyên môn khoa học công nghệ.

Các loại phiếu điều tra quy định tại Phụ lục III.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ sử dụng các danh mục và bảng phân loại thống kê sau:

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Danh mục các đơn vị hành chính ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ cập nhật đến thời điểm điều tra.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

- Thông tin trên phiếu điều tra điện tử được truyền về và lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê ngay sau khi việc thu thập thông tin được hoàn thành ở từng đơn vị điều tra. Dữ liệu được kiểm tra, duyệt và nghiệm thu bởi các giám sát viên (GSV) huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện), GSV cấp tỉnh, thành phố (gọi chung là cấp tỉnh) và GSV trung ương.

2. Tổng hợp kết quả điều tra

Kết quả Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ được tổng hợp để phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thuộc các Hệ thống chỉ tiêu thống kê theo yêu cầu mẫu biểu của Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Điều tra hoạt động Thương mại và dịch vụ được thực hiện theo kế hoạch sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
1	Chọn mẫu và rà soát danh sách mẫu điều tra	Tháng 10-12/2022	Phòng TTTT Thống kê; Chi cục Thống kê
2	Xây dựng kế hoạch điều tra chi tiết trên địa bàn tỉnh	Tháng 12/2022	Phòng TTTT Thống kê
3	Dự hội nghị tập huấn cấp Trung ương; Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cấp tỉnh	Tháng 12/2022	Phòng TTTT Thống kê; Phòng TK Kinh tế; Chi cục Thống kê
4	Thu thập thông tin tại địa bàn	Từ ngày 05-12 hàng tháng, quý	Chi cục Thống kê
5	Kiểm tra và duyệt dữ liệu điều tra	Từ ngày 05-12 hàng tháng, quý	Giám sát viên các cấp
6	Xử lý số liệu điều tra	Từ ngày 13-15 hàng tháng, quý	Phòng TTTT Thống kê
7	Tổng hợp kết quả	Ngày 15 hàng tháng, quý	Phòng TTTT Thống kê
8	Phân tích kết quả và chuẩn bị công bố kết quả điều tra	Từ ngày 16-17 hàng tháng, quý	Phòng Thống kê kinh tế

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị

a. Rà soát danh sách mẫu điều tra

Cục Thống kê tỉnh chủ trì chỉ đạo chỉ đạo Chi cục Thống kê các huyện, thành phố thực hiện việc rà soát cập nhật đơn vị điều tra.

b. Tuyển chọn giám sát viên và điều tra viên thống kê

Cục Thống kê tỉnh chủ trì chỉ đạo Chi cục Thống kê các huyện, thành phố tuyển chọn Điều tra viên (ĐTV) phục vụ công tác thu thập thông tin của cuộc điều tra, đảm bảo tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

GSV là lực lượng thực hiện công việc giám sát các hoạt động của mạng lưới ĐTV và hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới (nếu có) và các ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. GSV có 02 cấp: cấp tỉnh và cấp huyện.

c) Tập huấn nghiệp vụ điều tra

Tập huấn nghiệp vụ điều tra thực hiện ở 02 cấp: Cấp trung ương và cấp tỉnh. Mỗi cấp tập huấn trong 02 ngày (trong đó: 01 ngày giới thiệu phương án điều tra, hướng dẫn nghiệp vụ và 01 ngày hướng dẫn sử dụng thiết bị điều tra phiếu điện tử và Trang Web điều hành tác nghiệp).

- Cấp trung ương: Cục TTDL chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn cho các giảng viên cấp tỉnh và GSV cấp tỉnh.

- Cấp tỉnh: Cục Thống kê cấp tỉnh chủ trì tổ chức tập huấn cho ĐTV và GSV cấp huyện.

d) Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và phần mềm do Tổng cục Thống kê biên soạn. Cục Thống kê chủ động in và phân phối theo khối lượng thực tế của đơn vị.

đ. Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Chương trình chọn mẫu đơn vị điều tra, chương trình thu thập thông tin trên webform, chương trình quản lý giám sát, kiểm tra, chương trình tổng hợp kết quả điều tra và các chương trình phần mềm liên quan.

2. Công tác điều tra thực địa

Cục Thống kê chủ trì chỉ đạo thực hiện công tác điều tra thu thập thông tin tại địa bàn, đảm bảo tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: kiểm tra, giám sát việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đơn vị cung cấp, ...

Hình thức kiểm tra, giám sát: kiểm tra, giám sát trực tuyến trên Trang Web điều hành tác nghiệp; kiểm tra, giám sát trực tiếp công tác tập huấn và thu thập thông tin.

Để đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra giám sát được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên kiểm tra dữ liệu trên chương trình phần mềm và thông báo đề nghị đơn vị, ĐTV xác minh hoàn thiện phiếu điều tra.

4. Nghiệm thu và xử lý thông tin

a) Nghiệm thu phiếu điều tra. Cục Thống kê chủ trì nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Xử lý thông tin. Cục Thống kê cấp tỉnh phối hợp với Chi cục Thống kê cấp huyện, thành phố thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra; thực hiện tính quyền số suy rộng tổng hợp kết quả đầu ra theo yêu cầu.

IX. Chỉ đạo thực hiện

1. Phòng Thu thập thông tin thống kê:

- Rà soát cập nhật đơn vị điều tra; Xây dựng kế hoạch điều tra; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên và giám sát viên; hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng tại hội nghị tập huấn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chủ trì trong việc quản lý mạng lưới điều tra, kiểm tra và duyệt số liệu trực tuyến, hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình điều tra, làm sạch và xử lý duyệt số liệu điều tra; tổ chức kiểm tra giám sát tại địa bàn và trực tuyến; tổng hợp kết quả đầu ra gửi về cục TTDL làm báo cáo theo kế hoạch.

2. Phòng Thống kê kinh tế; Xã hội: Thực hiện thu thập thông tin doanh nghiệp theo danh sách được phân công.

3. Chi cục Thống kê cấp huyện: Tổ chức rà soát cập nhật đơn vị điều tra; tuyển chọn điều tra viên và giám sát viên; điều tra thực địa; giám sát, kiểm tra

trong quá trình thu thập thông tin tại địa bàn; kiểm tra, làm sạch phiếu và duyệt số liệu sau khi kết thúc điều tra.

Chi cục trưởng Chi cục Thống kê cấp huyện chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thống kê về chất lượng thông tin điều tra và quản lý, sử dụng kinh phí điều tra thuộc địa phương mình.

X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA:

Kinh phí Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ do Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê một cách hiệu quả, bảo đảm điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra theo Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê (Cục TTDL);
- Ban lãnh đạo Cục (để B/c);
- P. TTTTK; KT; XH; TH (Thanh tra);
- Chi cục Thống kê các huyện, TP;
- Lưu VT-TTTT.TK.

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Vũ Như Hải